

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2015



MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:.....	2
5. Định hướng phát triển.....	2
6. Các rủi ro:.....	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự:.....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	9
4. Tình hình tài chính:	9
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2. Tình hình tài chính:	12
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:.....	12
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	13
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 14	
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	14
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:	14
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	14
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	15
1. Hội đồng quản trị:	15
2. Ban Kiểm soát:	16
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:.....	16
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	18
1. Ý kiến kiểm toán:	18
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:.....	18

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006:
 - Vốn điều lệ: 75.538.460.000 đồng
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 75.538.460.000 đồng
 - Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
 - Số điện thoại: 08.3914 7027
 - Số fax: 08.3914 7020
 - Website: www.horizonsecurities.com
 - Mã cổ phiếu (nếu có): Không

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập ngày 22/12/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy phép hoạt động ngày 28/12/2006, được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM công nhận tư cách thành viên ngày 05/04/2007, trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 14/05/2007 và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam từ ngày 07/02/2007. Trụ sở chính của Công ty tại thời điểm thành lập là số 194 (Lầu 5) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

- Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, vốn điều lệ của công ty là 12.000.000.000 VNĐ với các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 139/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 190/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ đồng thời công ty được chấp thuận rút bớt nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 253/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12 tháng 8 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 35.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 282/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 04/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 01 năm 2011, Công ty được thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

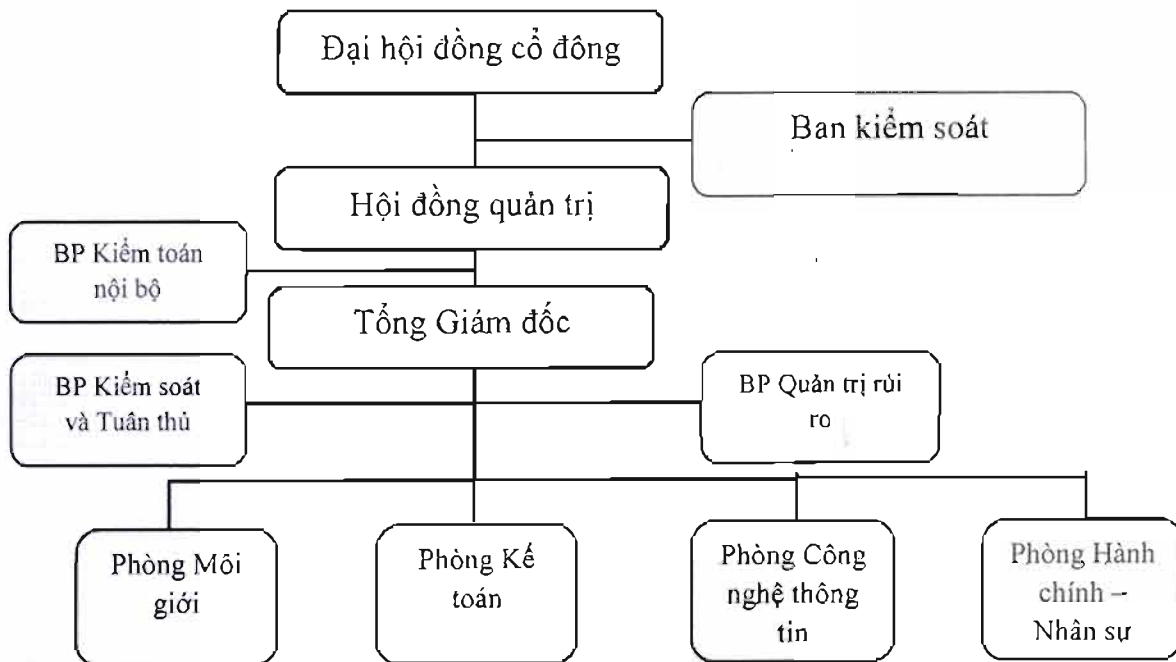
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ công ty là 75.538.460.000 VNĐ và địa chỉ trụ sở chính của Công ty là Lầu 9, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: không giới hạn

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên môn vững mạnh để thực hiện tốt nhất các nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - Tiến hành mở rộng cơ sở khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc chuẩn bị cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn tốt cho khách hàng.

- Từng bước nâng cao kết quả hoạt động của công ty, nhằm đem lại lợi nhuận cho cổ đông, đảm bảo lợi ích và quyền lợi cho đội ngũ nhân viên.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Phát triển quan hệ chiến lược dài hạn với các định chế tài chính, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư, nhằm tối đa hóa các lợi ích của các khách hàng và đối tác.
 - Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, xây dựng một môi trường văn hóa công ty khuyến khích tinh thần doanh nhân, sáng tạo, kỷ luật cao, chia sẻ năng lực, trí tuệ và nguồn lực.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Với việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật cũng như đạo đức kinh doanh, chúng tôi mong muốn góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, hiệu quả và bền vững.

6. Các rủi ro:

Như đã đề cập ở phần trên, định hướng phát triển và hoạt động thực tế của Công ty trong những năm gần đây chỉ tập trung phát triển nghiệp vụ môi giới cho các định chế tài chính nước ngoài và không cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng như hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tất cả các khách hàng tổ chức nước ngoài của công ty có tài khoản lưu ký chứng khoán và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng lưu ký. Đối với tiền gửi của khách hàng cá nhân trong nước và tổ chức trong nước, Công ty cũng đã ký thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP An Bình để thực hiện việc quản lý tách bạch đến tài khoản của từng nhà đầu tư. Do đó, Công ty không phải đối mặt nhiều với các rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản như các công ty chứng khoán khác.

Tuy nhiên, công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:

6.1 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Rủi ro hoạt động phát sinh trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ tại công ty. Rủi ro hoạt động tại Công ty có thể bao gồm:

- Rủi ro do các quy trình thực hiện chưa phù hợp với các quy định pháp luật, chưa phù hợp với cơ cấu hoạt động của công ty gây ra sự không chính xác trong việc thiết lập hệ thống quản lý rủi ro.
- Rủi ro do lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, ví dụ như thông tin tài khoản khách hàng bị tiết lộ, nhân viên môi giới đặt sai lệnh của khách hàng, nhân viên môi giới đặt lệnh mua/bán chứng khoán khi khách hàng không có đủ tiền/chứng khoán theo quy định, hoặc nhân

viên môi giới thỏa hiệp với khách hàng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán.

- Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (rủi ro IT). Nguyên nhân do hệ thống không tương thích hoặc xảy ra sự cố lỗi kỹ thuật gây nên việc giao dịch không thực hiện được hoặc làm gián đoạn giao dịch. Rủi ro IT cũng có thể xảy ra trong trường hợp hệ thống mạng, hệ thống đặt lệnh của Công ty bị xâm nhập, ăn cắp dữ liệu nội bộ hoặc lấy thông tin khách hàng sử dụng để gây thiệt hại uy tín và hoạt động của Công ty.

- Rủi ro do các khoản lỗ trong hoạt động kinh doanh dẫn đến thiếu hụt về vốn kinh doanh, không đáp ứng được các yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định và gây ra thiệt hại cho công ty.

Công ty đã thực hiện một số giải pháp để hạn chế rủi ro hoạt động tại Công ty như sau:

- Công ty đã ban hành các bộ quy trình tại các bộ phận nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán như môi giới, giao dịch chứng khoán, kế toán, lưu ký, công nghệ thông tin và thường xuyên sửa đổi, cập nhật các quy trình để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Công ty hạn chế tối đa các rủi ro xuất phát từ lỗi con người trong quá trình tác nghiệp (ví dụ các lỗi trong quá trình nhận lệnh, nhập lệnh của khách hàng...) thông qua việc ban hành và kiểm soát thi hành các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo việc phân định rõ ràng quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận và đảm bảo nguyên tắc các công việc được thực hiện theo cơ chế kiểm soát chéo. Bên cạnh đó, việc đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên cũng được thực hiện một cách thường xuyên.

- Việc bảo vệ thông tin cá nhân và giao dịch của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, song song với việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình hoạt động hàng ngày cũng như đảm bảo hệ thống sao lưu dự phòng luôn được kiểm tra để hệ thống giao dịch hoạt động với hiệu suất cao, tránh các trường hợp trục trặc hệ thống, đứt kết nối hoặc ngừng hoạt động gây tổn hại về tài chính cho cả HRS và khách hàng, làm sụt giảm uy tín của HRS. Công ty luôn tuân thủ các tiêu chuẩn về hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Bộ phận Kiểm soát và Tuân thủ thực hiện kiểm tra, rà soát các hoạt động giao dịch chứng khoán định kỳ, việc thực hiện quy trình nghiệp vụ của nhân viên để đảm bảo các quy trình được thực hiện đầy đủ, phát hiện kịp thời các sai phạm trong quá trình hoạt động, đồng thời có thể rà soát và điều chỉnh các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Bộ phận Kế toán thường xuyên báo cáo về tỉ lệ an toàn tài chính cho Tổng Giám đốc để kịp thời có phương án bổ sung nguồn vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động của Công ty, tuân thủ yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

6.2 Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro này có thể xảy ra khi công ty hoặc các thành viên lưu ký có liên quan bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày, có thể dẫn đến việc kết quả giao dịch của khách hàng tại công ty bị hủy. Rủi ro thanh toán cũng có thể xảy ra khi ngân hàng nơi Công ty có tài khoản tiền gửi không kịp chi trả tiền cho Công ty khi có nhu cầu.

Để ngăn ngừa các rủi ro thanh toán có thể xảy ra tại Công ty, Công ty có những yêu cầu cụ thể và cơ chế phối hợp chặt chẽ với ngân hàng lưu ký cũng như ngân hàng hợp tác quản lý tiền gửi của nhà đầu tư để đảm bảo nhà đầu tư có đủ 100% tiền hoặc chứng khoán trong tài khoản trước khi thực hiện giao dịch. Đối với trường hợp thiếu hụt tiền hoặc chứng khoán của các thành viên lưu ký có liên quan, đây là những rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của Công ty, nên Công ty chỉ có khả năng hỗ trợ khách hàng trong việc xử lý lỗi cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có). Để hạn chế rủi ro thanh toán đối với các khoản tiền gửi, Công ty lựa chọn những ngân hàng lớn, có uy tín và có chỉ số an toàn tài chính cao để mở các tài khoản tiền gửi.

6.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

6.4 Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Rủi ro pháp lý cũng có thể đến từ việc thay đổi các chính sách, quy định của cơ quan quản lý gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc Công ty không kịp thời cập nhật sự thay đổi của pháp luật, hiểu sai hoặc vận dụng sai quy định của pháp luật trong từng trường hợp cụ thể.

Trong nỗ lực nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra rủi ro pháp lý, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc HRS quán triệt ý thức tuân thủ trong toàn bộ Công ty. Các quy định pháp luật mới cũng như các chính sách, quy định nội bộ được phổ biến đến từng nhân viên thông qua các trường bộ phận, hoặc thông qua các buổi đào tạo nội bộ do bộ phận Kiểm soát và Tuân thủ phụ trách. Việc kiểm soát nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận để kịp thời phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy trình nội bộ cho phù hợp với yêu cầu pháp luật và thực tiễn kinh doanh. Các hợp đồng, thỏa thuận của Công ty với khách hàng, đối tác cũng phải được rà soát bởi luật sư nội bộ của Công ty trước khi được ký kết, thực hiện nhằm đảm bảo tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch cũng như để bảo vệ lợi ích chính đáng của Công ty. Bộ phận Kiểm soát và Tuân thủ và luật sư nội bộ có trách nhiệm thường

xuân cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan, nghiên cứu và tư vấn cho ban lãnh đạo về sự ảnh hưởng của các văn bản trong giai đoạn dự thảo để có sự chuẩn bị phù hợp và hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:

Trong năm 2014, công ty đã thực hiện mở thành công 02 tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tổ chức nước ngoài, và đóng 01 tài khoản giao dịch của khách hàng cá nhân là nhân viên đã nghỉ việc. Đối với giao dịch của nhà đầu tư, tổng giá trị chứng khoán mua trong năm 2014 là 162.644.095.000 đồng, trong khi tổng giá trị chứng khoán bán là 130.503.479.000 đồng.

Tổng doanh thu trong năm 2014 của Công ty là 3.820.539.295 đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán là 508.050.382 đồng, doanh thu từ hoạt động tư vấn là 3.195.000.000 đồng, doanh thu từ lãi tiền gửi là 117.488.913 đồng.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Do chịu ảnh hưởng từ sự sụt giảm về khối lượng và tần suất giao dịch của các khách hàng tổ chức nước ngoài nên doanh thu của công ty trong năm 2014 giảm 16% so với năm 2013 và chưa đạt được các chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2014 đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Hoàng Quốc Hùng	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1974 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) – Viện phát triển Hàn Quốc, Trường Quản lý Kinh doanh, Seoul, Hàn Quốc ▪ Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1998 – 2002: Chuyên viên của TTGDCK Hà Nội - Biệt phái công tác tại vụ Thanh tra, UBCKNN ▪ 2003: Trưởng phòng Hành chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông 	0,16%

		<ul style="list-style-type: none"> ▪ 12/2004: Nhân viên Ban Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) ▪ 2005 – nay: Giám đốc Kinh doanh – Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn ▪ 2008 – nay: Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	
Quyền Kế toán trưởng	Hồ Thị Kiều	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1987 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán tài chính - Đại học Ngân hàng TP. HCM ▪ Chứng chỉ Kế toán trưởng - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 7/2009-2/2012: Kế toán thanh toán & Kế toán tổng hợp – Công Ty TNHH Không Gian Riêng ▪ 3/2012-10/2013: Kế toán tổng hợp – Công Ty TNHH AP Expertise ▪ 11/2013 – nay: Quyền Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	0%
Quyền Trưởng phòng Môi giới	Trần Anh Viễn	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh : 1982 - Quốc tịch : Việt Nam - Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cử nhân tài chính ngân hàng –Đại học Ngân Hàng TPHCM. ▪ Kỹ sư Điện –Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM. - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 2006-10/2007: Nhân viên chứng khoán-Công ty CP Thịnh Phát. ▪ 10/2007-12/2014: Nhân viên môi giới –Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn. ▪ 12/2014 –nay: Quyền Trưởng phòng Môi giới- Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	0%

Trưởng phòng CNTT	Nguyễn Thị Kim Tuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1979 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin – Đại học Marketing - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 2000 – 2002: Lập trình viên – Công ty Vietsoft Software ▪ 2002 – 2007: Trưởng phòng IT – Công ty TNHH 3A Pharmaceutical ▪ 2007 – nay: Trưởng phòng IT – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	0%
-------------------	----------------------	---	----

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

+ Ông Phan Nguyễn Hoàn Quân – Trưởng phòng Môi giới chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty từ ngày 01/10/2014 vì lý do cá nhân;

+ Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Môi giới đối với ông Phạm Chiêu Văn từ ngày 01/10/2014. Đến ngày 01/12/2014 ông Phạm Chiêu Văn chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty vì lý do cá nhân;

+ Bổ nhiệm chức danh Quyền Trưởng phòng Môi giới đối với ông Trần Anh Viễn từ ngày 01/12/2014.

- Số lượng cán bộ nhân viên tại thời điểm 31/12/2014: 16 người

- Các chính sách đối với người lao động:

- Trả lương sau thuế (công ty chịu thuế thu nhập, BHXH, BHYT, BHTN...)
- Thưởng theo quý, năm, các ngày Lễ, Tết ... hình thức thưởng linh hoạt.
- Nhân viên được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 (với mức bồi thường lên đến 30 tháng lương của người được bảo hiểm)
- Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm
- Được hỗ trợ toàn bộ học phí các lớp đào tạo về chứng khoán cũng như thi lấy chứng chỉ hành nghề
- Được tham dự các khóa đào tạo kỹ năng và đào tạo chuyên môn theo yêu cầu của công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Công ty không có các khoản đầu tư lớn trong năm.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	15.698.231.513	11.366.512.186	-27,59%
Doanh thu thuần	4.555.469.971	3.820.539.295	-16,13%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.602.914.574	1.813.688.028	13,15%
Lợi nhuận khác	289.513	0	-100%
Lợi nhuận trước thuế	-6.457.627.387	-4.185.864.071	35,18%
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2013	2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	25,69	25,58	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	3,55	3,62	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,68	3,76	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	29,02	33,61	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Cổ phần phổ thông: 7.553.846 cổ phần. Tại thời điểm 31/12/2014, tất cả cổ phần phổ thông của Công ty đều là cổ phần tự do chuyển nhượng.
- Cổ phần ưu đãi: Không có

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<i>I</i>	<i>Trong nước</i>	<i>3</i>	<i>6.105.846</i>	<i>80,83%</i>
1	Cá nhân	2	759.846	10,06%
2	Tổ chức	1	5.346.000	70,77%
<i>II</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>1</i>	<i>1.448.000</i>	<i>19,17%</i>
1	Cá nhân	1	1.448.000	19,17%
2	Tổ chức	0	-	0,00%
<i>III</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>4</i>	<i>7.553.846</i>	<i>100,00%</i>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty trong năm 2014 giảm mạnh so với năm 2014 do khách hàng tổ chức hạn chế giao dịch. Bên cạnh đó, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch tăng số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài trong năm 2014 do tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ môi giới cho khách hàng tổ chức. Công ty cần tăng cường hoạt động tiếp cận, chăm sóc khách hàng cũng như đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm phân tích để cải thiện các chỉ tiêu này.
- Với kế hoạch cắt giảm chi phí doanh nghiệp, công ty đã cắt giảm thành công 27,3% chi phí doanh nghiệp trong năm nhưng vẫn đảm bảo công ty vận hành ổn định. Công ty không có phát sinh lỗi giao dịch chứng khoán trong năm vừa qua.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Đơn vị	2013	2014
Tài sản ngắn hạn / Tổng số Tài sản	%	91,31	92,74
Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	%	8,69	7,26

b. Tình hình nợ phải trả

Các chỉ tiêu	2013	2014	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	25,69	25,58	lần
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	3,55	3,62	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,68	3,76	%

Tỷ lệ Nợ phải trả của Công ty hiện tại rất thấp, chủ yếu là các khoản phải trả ngắn hạn cho các chi phí hoạt động của Công ty. Trong năm Công ty không có bất kỳ khoản nợ vay ngân hàng nào.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm Công ty đã cập nhật các quy trình nghiệp vụ của bộ phận Môi giới và kế toán cho phù hợp với các quy định pháp luật mới được ban hành.
- Các chính sách, quy trình đã được ban hành trước đó như Chính sách giao dịch cá nhân, Chính sách phòng, chống rửa tiền, Quy trình giám sát giao dịch cũng được đưa vào áp dụng tại Công ty, góp phần nâng cao khả năng kiểm soát, phát hiện các giao dịch không phù hợp với quy

định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa các hành vi vi phạm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phát triển khách hàng nhằm tăng doanh thu từ hoạt động môi giới trong năm 2015, dựa trên nền tảng dịch vụ chất lượng và năng lực cạnh tranh thông qua hợp tác chiến lược và ổn định tài chính doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác đào tạo nhân lực, nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức tốt hơn cho khách hàng là các định chế tài chính trong và ngoài nước.

- Công ty cũng có kế hoạch đa dạng hóa hoạt động của mình bằng cách mở rộng thêm hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp thông qua nguồn khách hàng do Công ty tự tìm kiếm và thông qua sự hỗ trợ, hợp tác với các đối tác chiến lược và với công ty mẹ là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tầm Nhìn.

- Tiếp tục cắt giảm và tiết kiệm chi phí hoạt động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung trong năm 2014, nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất cập và rủi ro. Tại Việt Nam, tình hình tài chính và chứng khoán vẫn chưa ổn định. Hệ thống ngân hàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm vừa qua, vấn đề nợ xấu ngân hàng vẫn chậm được giải quyết. Số lượng công ty chứng khoán tính đến thời điểm cuối năm 2014 giảm khoảng 20% sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai thực hiện Đề án Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm theo Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2014 khách hàng hạn chế giao dịch đã khiến cho hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng không nhỏ. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp tích cực để cải thiện tình hình tài chính thông qua việc đa dạng hóa hoạt động (mở rộng sang mảng tư vấn tài chính) và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn của công ty theo qui định pháp luật. Các biện pháp cắt giảm chi phí doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo công ty vận hành ổn định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Nhìn chung, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Tuy nhiên, khách hàng hiện tại của công ty chủ yếu là các tổ chức nước ngoài đầu tư dài hạn, không giao dịch liên tục nên doanh số giao dịch phát sinh từ đầu năm 2014 đến nay không cao.

Với tình hình khó khăn trong việc duy trì tần suất giao dịch của khách hàng trong năm 2014, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT đề ra. Đồng thời HĐQT đánh giá cao sự tuân thủ pháp luật cũng như các quy định của các cơ quan quản lý mà Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng đã thực hiện trong quá trình điều hành Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục duy trì định hướng phục vụ và phát triển khách hàng tổ chức nước ngoài, từng bước nâng cao doanh thu từ hoạt động môi giới để cải thiện tình hình tài chính của Công ty;
- Công ty cũng có kế hoạch đa dạng hóa hoạt động của mình bằng cách mở rộng thêm hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp thông qua nguồn khách hàng do Công ty tự tìm kiếm và thông qua sự hỗ trợ, hợp tác với các đối tác chiến lược và với công ty mẹ là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chi đạo các hoạt động của Ban điều hành, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy trình làm việc, áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh tiên tiến, các quy trình kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm đảm bảo bộ máy điều hành hoạt động chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và có hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Đoàn Mạnh Khâm	19,17%	Thành viên không điều hành	0
2	Hoàng Quốc Hùng	0,16%	Thành viên điều hành	0
3	Lâm Bảo Quang	0%	Thành viên độc lập	0

Trong năm 2014, ĐHCĐ đã miễn nhiệm hai thành viên HĐQT là ông Jeffrey E. Carleton và ông Tunku Ali Redhaudin ibni Tuanku Muhriz theo đơn từ nhiệm của các ông này.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị đã được thành lập vào cuối năm 2013 theo quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Nhìn chung, HĐQT đã hoàn thành tốt việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. HĐQT cũng đã tăng cường trao đổi giữa các thành viên với nhau, giữa các thành viên với Tổng Giám đốc để thảo luận tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh và chi đạo, định hướng hoạt động cho Tổng Giám đốc. Trong năm 2014, HĐQT đã có 02 cuộc họp định kỳ hàng quý, chi tiết như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung
1	21/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật hoạt động quý IV/2013; - Thảo luận kế hoạch kinh doanh quý I/2014; - Thảo luận việc tăng vốn điều lệ vào năm 2014.
2	28/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật hoạt động quý I/2014, bao gồm kinh doanh, chi phí, vốn, thị phần, khách hàng mới và sản phẩm; - Thảo luận kế hoạch kinh doanh quý II/2014. - Thông qua chương trình họp ĐHCĐ.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành.

Ngoại trừ ông Hoàng Quốc Hùng nắm chức vụ Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Trong đó, một thành viên độc lập là ông Lâm Bảo Quang. Là những người có nhiều kinh nghiệm trong thị trường vốn, các thành viên độc lập, không điều hành đã đóng góp rất nhiều cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty.

Tuy không trực tiếp tham gia điều hành, nhưng với việc duy trì chế độ họp thường kỳ hàng quý cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và các hình thức khác, các thành viên Hội đồng quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác chỉ đạo kịp thời đối với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT/BKS/TGD của công ty không thuộc trường hợp bắt buộc phải hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty vì yêu cầu này chỉ áp dụng đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị có trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh do nước ngoài đào tạo. 1/3 số Thành viên Hội đồng Quản trị đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Hiện nay Ban kiểm soát có 01 thành viên là bà Ngô Quỳnh Như.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ đối với hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc, xem xét, rà soát các quy trình, quy chế nội bộ của các phòng ban trong Công ty cũng như các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty. Ban kiểm soát cũng thực hiện chức năng giám sát của mình thông qua việc thường xuyên tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có những kiến nghị nhằm đảm bảo Công ty được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm công ty không chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Tiền lương và thưởng cho Tổng Giám đốc phát sinh trong năm là 658.950.000 đồng.

- b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có
- c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có
- d. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

a. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TPHCM (AISC)

b. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tâm Nhìn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: Theo Phụ lục đính kèm.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÂM NHÌN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MỤC LỤC

	Trang
Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	01 - 02
Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập	03
Bảng Cân Đối Kế Toán	04 - 10
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	11
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	12 - 13
Báo Cáo Tình Hình Biến Động Vốn Chủ Sở Hữu	14
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	15 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TẦM NHÌN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung về công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 4103005774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, số vốn điều lệ của công ty là: 12.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 2 số 139/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 3 số 190/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 4 số 253/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 35.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 5 số 282/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK (thay đổi lần thứ 7) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 07 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK (thay đổi lần thứ 8) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ công ty là 75.538.460.000 VNĐ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính: Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Mạnh Khâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Quốc Hùng	Thành viên
Ông Lâm Bảo Quang	Thành viên
Ông Jeffrey E. Carleton	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 24/06/2014
Ông Tunku Ali Redhaudidin Ibni Tuanku Muhriz	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 24/06/2014

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Quỳnh Như	Thành viên
------------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Bà Hồ Thị Kiều

Quyền Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Hoàng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tâm Nhìn.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 06.14.384/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tầm Nhìn, được lập ngày 12 tháng 02 năm 2015, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tầm Nhìn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN

GCNDKHN Số: 2172-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH

GCNDKHN Số: 0112-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 5Đ. 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@aisc.com.vn

Email: aiscvt@dng.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		10.541.071.158	14.333.675.598
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.180.331.608	13.526.084.956
1. Tiền	111		310.331.608	1.276.084.956
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.870.000.000	12.250.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.8	3.242.562.494	261.515.733
1. Phải thu khách hàng	131		3.195.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		47.562.494	260.187.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		-	1.327.860
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.177.056	546.074.909
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.1	96.677.056	162.574.909
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4.2	21.500.000	383.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		825.441.028	1.364.555.915
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
II. Tài sản cố định	220		80.420.986	275.576.564
1. TSCĐ hữu hình	221	V.3.1	70.255.634	218.779.116
- Nguyên giá	222		1.731.575.389	1.731.575.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.661.319.755)	(1.512.796.273)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.3.2	10.165.352	56.797.448
- Nguyên giá	228		967.502.000	967.502.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(957.336.648)	(910.704.552)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		745.020.042	1.088.979.351
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	177.678.394	538.357.463
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.6	307.961.648	291.241.886
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.7	259.380.000	259.380.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.366.512.186	15.698.231.513

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		412.035.104	557.890.360
I. Nợ ngắn hạn	310		412.035.104	557.890.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	1.746.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	43.748.807	149.159.358
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.10	323.743.110	366.893.017
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	44.514.787	11.825.785
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	28.200.000
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		28.400	66.200
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		10.954.477.082	15.140.341.153
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.12	10.954.477.082	15.140.341.153
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.538.460.000	75.538.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(64.583.982.918)	(60.398.118.847)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.366.512.186	15.698.231.513

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	781.420.000	103.930.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	781.420.000	103.930.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	781.420.000	103.930.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	014	-	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	015	-	-
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	-	-
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2014	01/01/2014
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043	-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045	-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	-	-
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058	-	-
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059	-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2014	01/01/2014
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Tp.HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


VÕ THỊ NHƯ NGỌC


HỒ THỊ KIỀU


HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu	01	VI.1	3.820.539.295	4.555.469.971
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới Chứng khoán	01.1		508.050.382	3.931.830.537
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành Chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành Chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.195.000.000	-
- Doanh thu lưu ký Chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		117.488.913	623.639.434
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		3.820.539.295	4.555.469.971
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	2.006.851.267	2.952.555.397
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		1.813.688.028	1.602.914.574
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	5.999.552.099	8.060.831.474
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(4.185.864.071)	(6.457.916.900)
8 Thu nhập khác	31		-	289.513
9 Chi phí khác	32		-	-
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	289.513
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.185.864.071)	(6.457.627.387)
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(4.185.864.071)	(6.457.627.387)
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(554)	(855)

Tp.HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






VÕ THỊ NHƯ NGỌC

HỒ THỊ KIỀU

HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>			
Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh	01	508.050.382	3.961.353.803
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(790.052.954)	(1.945.371.149)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	6.617.307.538	1.731.789.310
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(6.645.545.338)	(1.705.845.910)
Tiền thu bán chứng khoán khách hàng	08	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1.788.329.160)	(3.130.047.614)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(3.023.855.244)	(3.559.107.146)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	16.275.751.989	18.636.405.745
Tiền chi khác	15	(17.599.849.712)	(13.460.549.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.446.522.499)	528.627.729
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(17.000.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.769.151	586.301.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	100.769.151	569.301.719
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(6.345.753.348)	1.097.929.448
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.526.084.956	12.428.155.508
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>7.180.331.608</u>	<u>13.526.084.956</u>

Tp.HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THỊ NHƯ NGỌC

HỒ THỊ KIỀU

HOÀNG QUỐC HÙNG



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.538.460.000	75.538.460.000	-	-	-	-	75.538.460.000	75.538.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(53.940.491.460)	(60.398.118.847)	-	6.457.627.387	-	4.185.864.071	(60.398.118.847)	(64.583.982.918)
Cộng		21.597.968.540	15.140.341.153	-	6.457.627.387	-	4.185.864.071	15.140.341.153	10.954.477.082

NGƯỜI LẬP


VÕ THỊ NHƯ NGỌC

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG


HỒ THỊ KIỀU

Tp.HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC


HOÀNG QUỐC HÙNG

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập và hoạt động theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 4103005774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Vốn điều lệ ban đầu của công ty là: 12.000.000.000 VNĐ và được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ của công ty là 75.538.460.000 VNĐ theo giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK (thay đổi lần thứ 8) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 16 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: 18 người)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng nguyên giá tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

3.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị 03 - 08 năm

Phần mềm máy vi tính 05 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí lắp đặt thiết kế văn phòng, hệ thống mạng cáp, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng trở lên.

5. Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: phí giao dịch, lưu ký chứng khoán; chi phí kiểm toán; tiền lương, ...

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu từ tiền lãi là doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức là doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí Thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc tài bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét và kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chi bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

11. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nguyên tắc ghi nhận thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	20.538.070	677.591.962
Tiền gửi ngân hàng	279.874.827	545.942.828
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKN</i>	241.108.874	541.879.555
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ</i>	38.765.953	4.063.273
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	9.918.711	52.550.166
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKN</i>	8.274.295	50.397.821
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ</i>	1.644.416	2.152.345
Các khoản tương đương tiền	6.870.000.000	12.250.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	6.870.000.000	12.250.000.000
Tổng Cộng	7.180.331.608	13.526.084.956

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
a). Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b). Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	7.253.184	293.147.574.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (Chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	7.253.184	293.147.574.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tài sản cố định

3.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	1.731.575.389	-	1.731.575.389
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.731.575.389	-	1.731.575.389
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.512.796.273	-	1.512.796.273
- Khấu hao trong năm	-	148.523.482	-	148.523.482
Số dư cuối năm	-	1.661.319.755	-	1.661.319.755
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	218.779.116	-	218.779.116
Số dư cuối năm	-	70.255.634	-	70.255.634

* Giá trị nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.589.945.446 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh

3.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	967.502.000	967.502.000
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	967.502.000	967.502.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	910.704.552	910.704.552
- Khấu hao trong năm	-	-	46.632.096	46.632.096
Số dư cuối năm	-	-	957.336.648	957.336.648
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	-	56.797.448	56.797.448
Số dư cuối năm	-	-	10.165.352	10.165.352

4. Tài sản ngắn hạn khác

4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí chờ phân bổ khác	96.677.056	162.574.909
Cộng	96.677.056	162.574.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2014	01/01/2014	
Tạm ứng		15.500.000	377.500.000	
Ký quỹ, ký cược		6.000.000	6.000.000	
Cộng		21.500.000	383.500.000	
5. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2014	01/01/2014	
Chi phí lắp đặt hệ thống cáp mạng, chữ ký số		1.144.921	1.808.343	
Chi phí lắp đặt thiết kế văn phòng		128.780.492	388.735.365	
Chi phí công cụ dụng cụ		47.752.981	147.813.757	
Cộng		177.678.394	538.357.465	
6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		Năm 2014	Năm 2013	
Số dư đầu năm		291.241.886	262.004.171	
Tiền nộp bổ sung		-	-	
Tiền lãi phân bổ trong năm		16.719.762	29.237.715	
Số dư cuối năm		307.961.648	291.241.886	
7. Tài sản dài hạn khác		31/12/2014	01/01/2014	
Tiền đặt cọc thuê văn phòng Vincom		259.380.000	259.380.000	
Cộng		259.380.000	259.380.000	
8. Các khoản phải thu				
	Số dư đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Tăng	Giảm	
1. Phải thu khách hàng	-	3.195.000.000	-	3.195.000.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	508.050.382	508.050.382	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch Chứng khoán	-	508.050.382	508.050.382	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-
3. Trả trước người bán	260.187.873	328.862.474	541.487.853	47.562.494
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	151.299.145	151.299.145	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	-
6. Phải thu khác	1.327.860	138.010.219	139.338.079	-
Tổng cộng	261.515.733	4.321.222.220	1.340.175.459	3.242.562.494
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31/12/2014	01/01/2014	
Thuế thu nhập cá nhân		10.578.143	12.621.710	
Thuế nhà thầu		33.170.664	136.537.648	
Cộng		43.748.807	149.159.358	

10. Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
Phí giao dịch, lưu ký phải trả TTGD và TTLK	11.743.110	31.598.517
Phải trả phí kiểm toán	50.000.000	55.000.000
Chi phí bảo trì và nâng cấp phần mềm	53.000.000	36.500.000
Ước lương tháng 13 cho nhân viên	209.000.000	243.794.500
Cộng	323.743.110	366.893.017
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Bảo hiểm xã hội	43.324.456	10.635.454
Phải trả, phải nộp khác	1.190.331	1.190.331
Cộng	44.514.787	11.825.785
12. Vốn chủ sở hữu		
a). Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: xem trang 14		
b). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2014	
	Tỷ lệ	Vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	70,77%	53.460.000.000
Bà Ngô Quỳnh Như	9,90%	7.478.460.000
Ông Hoàng Quốc Hùng	0,16%	120.000.000
Ông Đoàn Mạnh Khâm	19,17%	14.480.000.000
Tổng cộng	100%	75.538.460.000
c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Năm 2014	Năm 2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	75.538.460.000	75.538.460.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	75.538.460.000	75.538.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d). Cổ phiếu	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.553.846	7.553.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.553.846	7.553.846
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.553.846	7.553.846
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.553.846	7.553.846
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.553.846	7.553.846
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	508.050.382	3.931.830.537
Doanh thu hoạt động tư vấn	3.195.000.000	-
Doanh thu từ lãi tiền gửi	117.488.913	623.639.434
Tổng Cộng	3.820.539.295	4.555.469.971
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	3.820.539.295	4.555.469.971
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	87.935.680	800.562.495
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	505.221	381.302
Chi phí khác	1.918.410.366	2.151.611.600
Tổng Cộng	2.006.851.267	2.952.555.397
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	2.544.167.750	3.555.092.412
Chi phí vật liệu quản lý	12.263.840	15.613.381
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.897.366	52.918.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.215.698	125.425.810
Thuê, phí và lệ phí	65.726.431	68.220.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.186.588.624	3.135.459.795
Chi phí bằng tiền khác	1.092.692.390	1.108.100.869
Tổng Cộng	5.999.552.099	8.060.831.474
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.185.864.071)	(6.457.627.387)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.185.864.071)	(6.457.627.387)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.553.846	7.553.846
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	(554)	(855)

5. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

5.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VNĐ	+ 100	71.803.316
VNĐ	- 100	(71.803.316)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	+ 200	270.521.699
VNĐ	- 200	(270.521.699)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty không có rủi ro liên quan đến ngoại tệ do các giao dịch đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

5.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động tài chính của mình chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	114.743.110	-	-	114.743.110
	114.743.110	-	-	114.743.110
31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.746.000	-	-	1.746.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	123.098.517	-	-	123.098.517
	124.844.517	-	-	124.844.517

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Xem thuyết minh tại trang 27.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo: Không có
- Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: 9.918.711 VNĐ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu/(Phải trả)
Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Tiền lương và thưởng	658.950.000	-

2. Số liệu so sánh:

Trong kỳ, Công ty trình bày lại số liệu đầu kỳ của bảng tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính, Bảng tổng hợp giá trị Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính trong Thuyết minh Báo cáo tài chính cho phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 như sau:

+ Bảng tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Khoản mục	BCTC năm 2013	BCTC năm 2013	Chênh lệch
	- Ngày 31/12/2013	- Ngày 31/12/2014	
	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Phải trả người bán	-	1.746.000	1.746.000

+ Bảng trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tài sản khác (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số đã trình bày	-	-	-	-
- Tài sản khác (theo BCTC năm 2014 - Ngày 31/12/2013) - Số trình bày lại	265.380.000	-	265.380.000	-
Chênh lệch	(265.380.000)		(265.380.000)	
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả người bán (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số đã trình bày	-	-	-	-
- Phải trả người bán (theo BCTC năm 2014 - Ngày 31/12/2013) - Số trình bày lại	1.746.000	-	1.746.000	-
Chênh lệch	(1.746.000)		(1.746.000)	

3. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

	Năm 2014	Năm 2013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.446.522.499)	528.627.729

Khoản lỗ thuần của đơn vị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 4.185.864.071 đồng; khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 là 64.583.982.918 đồng, chiếm 85,5% vốn điều lệ. Điều này ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có các đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và có các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- 1) Công ty sẽ đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, các chỉ tiêu an toàn tài chính đáp ứng theo quy định của thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC.
- 2) Công ty đảm bảo phát triển thêm nguồn khách hàng mới trong năm 2015.
- 3) Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- 4) Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư theo đúng quy định của UBCKNN từ ngày 08/09/2008 do đó sẽ không có phát sinh bất kỳ khoản phải trả, phải thu nào đối với các nhà đầu tư chứng khoán mở tài khoản giao dịch tại công ty.
- 5) Công ty có kế hoạch tăng vốn trong năm 2015.

Tp.HCM, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ NHƯ NGỌC

HỒ THỊ KIỀU

HOÀNG QUỐC HÙNG



6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		31/12/2013		31/12/2014	31/12/2013
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tài sản khác	265.380.000	-	265.380.000	-	265.380.000	265.380.000
- Phải thu khách hàng	3.195.000.000	-	-	-	3.195.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-	-	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	7.180.331.608	-	13.526.084.956	-	7.180.331.608	13.526.084.956
TỔNG CỘNG	10.640.711.608	-	13.791.464.956	-	10.640.711.608	13.791.464.956
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	-	-	1.746.000	-	-	1.746.000
- Phải trả khác	-	-	-	-	-	-
- Nợ phải trả tài chính khác	114.743.110	-	123.098.517	-	114.743.110	123.098.517
TỔNG CỘNG	114.743.110	-	124.844.517	-	114.743.110	124.844.517

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.